

## 1. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

### 1.1 Nông nghiệp:

#### a) Trồng trọt:

+ **Kết thúc vụ Đông xuân 2017-2018:** cả tỉnh gieo trồng được 127.171 ha cây nông nghiệp hàng năm giảm 8,57% so cùng kỳ. Trong đó, giảm chủ yếu từ các loại cây trồng cho thu hoạch năm sau, diện tích giảm 18,49% (tương ứng 13.229,8 ha) so cùng kỳ, nguyên nhân do hiệu quả những cây trồng này (mỳ, mía) đạt thấp, giá ngày càng giảm cùng với thời tiết, sâu bệnh không thuận lợi nên người dân chuyển sang cây trồng khác có hiệu quả hơn. Đối với các loại cây trồng thu hoạch trong năm, nhìn chung vẫn duy trì phát triển tốt, diện tích tăng 1,95% (tương ứng 1.314,5 ha) so cùng kỳ. Đặc biệt, lúa và bắp, diện tích gieo trồng vụ này tăng khá nhờ được giá và hiệu quả cao hơn cây trồng khác.

+ **Tiến độ gieo trồng vụ Hè thu** đến ngày 15/4/2018 toàn tỉnh xuống giống được 5.717ha bằng 100,02% so cùng kỳ; trong đó, một số cây trồng xuống giống nhanh là: lúa 1.953ha (+6,46%), đậu phộng (+11,02%), rau đậu hoa cây cảnh (+3,33%).... Nhóm cây trồng thu hoạch năm sau (mía, mì) vẫn chưa có dấu hiệu khôi phục, diện tích xuống giống đạt thấp so với cùng kỳ, như cây mỳ mới đạt 538ha giảm (-22,36%), do dịch bệnh khảm vẫn còn xảy ra, năng suất đạt thấp, tuy giá mì có lúc lên đến 3.100đ/kg nhưng nhiều hộ trồng mì vẫn còn lỗ. Diện tích mía trồng mới đạt 175ha giảm nhiều so cùng kỳ (-28,13%), do giá mía thu mua hiện vẫn giảm mạnh tác động nhiều đến tiến độ gieo trồng.

#### Diện tích gieo trồng cây hàng năm

	Thực hiện cùng kỳ năm trước (Ha)	Thực hiện kỳ báo cáo (Ha)	So cùng kỳ (%)
<b>1. DT Gieo trồng vụ Hè Thu:</b>	<b>5.716</b>	<b>5.717</b>	<b>100,02</b>
* Trong đó: Cây lúa	1.834	1.953	106,46
<b>Diện tích một số cây trồng khác</b>			
- Ngô	142	121	85,15
- Mì (cây sắn)	693	538	77,64
- Mía	244	175	71,87
- Đậu phộng	124	138	111,02
- Rau, đậu, hoa cây cảnh các loại	2.623	2.710	103,33

**Tiến độ thu hoạch vụ đông xuân** khá tốt, đến nay diện tích đã thu hoạch 49.540ha cây trồng trong vụ, chiếm 71,94% tổng diện tích gieo trồng, tăng 7,18% so cùng kỳ. Trong đó cây lúa thu hoạch đạt 31.925ha bằng 69,21% diện tích gieo trồng tăng 12,94% so cùng kỳ; đậu phộng 3.157ha đạt 77,82% diện tích gieo trồng bằng 92,08% so cùng kỳ; cây ngô 2.806ha đạt 76,21% diện tích

gieo trồng và tăng 76,47% so cùng kỳ; rau đậu hoa cây cảnh các loại thu hoạch được 9.418 ha bằng 77,58% diện tích gieo trồng và giảm (+10,16%) so cùng kỳ.

Đối với cây mì, mía trồng các vụ trước: đến nay đã thu hoạch 59.711 ha giảm 4,59% so cùng kỳ, trong đó mì 44.685ha bằng 90,15% (-4.880ha) so cùng kỳ), cây mía (gồm cả mía trồng mới và mía lưu gốc) đạt 15.025 ha tăng 15,42% so cùng kỳ, do giá đường giảm mạnh dẫn đến giá mía cũng giảm người dân thu hoạch sớm để tránh thua lỗ nhiều.

### **b) Chăn nuôi:**

Chăn nuôi trên địa bàn vẫn duy trì đối với đàn bò và đàn gà, riêng đối với đàn lợn chưa có dấu hiệu phát triển trở lại. Do tình hình giá các loại thịt hơi tăng giảm thất thường, người dân e ngại trong việc tái đàn. Tình hình chăn nuôi đàn trâu hiện có 14.300con giảm 13,40% so cùng kỳ, đàn bò 95.600 con (+4,88%), riêng đàn bò sữa hiện có 10.737con tăng 42,46% so cùng kỳ; riêng đàn heo giảm hiện có 164.550 con (-11,99% so cùng kỳ) do giá heo giảm chưa có dấu hiệu phục hồi. Đàn gia cầm hiện có 5,976 triệu con cũng tăng 0,67% so với cùng kỳ, trong đó đàn gà ước đạt 5,250 triệu con tăng 1,96% so cùng kỳ.

#### **Số lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm**

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm 2017	Ước thực hiện kỳ BC	So sánh cùng kỳ (%)
<b>I. Gia súc</b>				
1. Trâu	con	16.512	14.300	86,60
2. Bò	con	91.154	95.600	104,88
Trong đó: Bò sữa	con	7.537	10.737	142,46
3. Lợn	con	186.973	164.550	88,01
<b>II. Gia cầm</b>				
	1000con	5.936,145	5.976,000	100,67
Trong đó: Gà	1000con	5.149,145	5.250,000	101,96

Trong tháng, các ngành chức năng tăng cường công tác giám sát dịch bệnh, tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh, khuyến cáo người chăn nuôi thường xuyên làm vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại. Tổ chức tiêm phòng vắc xin cúm cho đàn gia cầm trên phạm vi toàn tỉnh; đẩy mạnh công tác kiểm dịch tại gốc, phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc lưu thông, vận chuyển gia súc xuất nhập tỉnh và đưa vào các lò mổ.

### **1.2 Lâm nghiệp:**

Thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2018 là 240ha, trong tháng, các đơn vị tiến hành rà soát quỹ đất, lập hồ sơ thiết kế, vận động người dân tham gia nhận khoán đất trồng rừng; đồng thời tiếp tục thực hiện chăm sóc, chống cháy và bảo vệ rừng trồng, đảm bảo rừng trồng sinh trưởng sinh trưởng và phát triển tốt.

Công tác bảo vệ rừng được các đơn vị hữu quan phối hợp tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra phòng cháy chữa cháy, tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia công tác bảo vệ rừng, tuy nhiên tình hình vi phạm lâm luật vẫn còn xảy

ra, trong tháng xảy ra 10 vụ vi phạm quy định về Luật bảo vệ và phát triển rừng, 06 trường hợp cháy trảng cỏ, cây bụi tại Khu rừng phòng hộ Dầu tiếng. Các trường hợp cháy đều được phát hiện và dập tắt kịp thời nên không gây thiệt hại.

## 2. Sản xuất Công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4/2018 tăng 2,89% so với tháng trước. Trong đó, tăng mạnh từ các ngành: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+8,15%); Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (+10,12%); sản xuất và phân phối điện (+2,82%); Khai thác và cung cấp nước (+7,14%); Một số ngành khác chỉ số tăng nhẹ so với tháng trước là : Dệt (+0,36%), Sản xuất trang phục (+1,40); Riêng ngành Chế biến thực phẩm giảm (-7,24%) do nguồn nguyên liệu giảm vì gần kết thúc vụ sản xuất mía đường 2017-2018.

Cộng dồn 04 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng (+15,01%)<sup>1</sup> so cùng kỳ, cao hơn mức tăng năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng (-23,83%); công nghiệp chế biến, chế tạo (+14,72%), trong đó: có các ngành tăng cao so cùng kỳ như: dệt (+39,41%), Sản xuất trang phục (+17,34); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+31,35%); sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (+18,23%), Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+12,72%); sản xuất phân phối điện... tăng (+15,56%); Khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng (+3,72%).

### Chỉ số phát triển công nghiệp và một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 4/2018 so với tháng 3/2018	4 tháng đầu năm 2018 so với cùng kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>102,89</b>	<b>115,01</b>
<b>Chia theo ngành cấp 1</b>		
1. Công nghiệp khai khoáng	94,12	76,17
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	102,90	114,72
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	102,82	115,56
4. Cung cấp nước, hệ quản lý và xử lý rác thải...	103,31	148,46
<b>Một số ngành công nghiệp chủ yếu</b>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	92,76	100,89
2. Dệt	100,36	139,41
3. Sản xuất trang phục	101,4	117,34
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	110,12	105,93
5. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	99,74	118,23
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	108,15	131,35
8. Sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	98,06	112,72

<sup>1</sup> Tháng 4/2017 (+14,15%)

	Tháng 4/2018 so với tháng 3/2018	4 tháng đầu năm 2018 so với cùng kỳ
9. Sản xuất và phân phối điện	102,82	115,56
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	107,14	103,72

**Chỉ số tồn kho** của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02/2018 so với tháng trước giảm 3,24%, so với tháng cùng kỳ năm trước tăng 15,08%, tập trung ở các ngành: sản xuất chế biến thực phẩm tăng 4,87%; Công nghiệp dệt tăng 34,61%; SX trang phục tăng 16,36%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 4,43%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 30,36%; sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ tăng 24,58%...

**Chỉ số sử dụng lao động** của doanh nghiệp công nghiệp tháng 04/2018 so tháng trước tăng 1,72%, so với tháng cùng kỳ năm trước tăng 3,13%, cộng dồn so với cùng kỳ tăng 1,91%. So với tháng trước, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp ngành khai khoáng ổn định; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện tăng tương ứng 1,73% và 1,74% ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,87%. So với tháng cùng kỳ năm trước, ngành khai khoáng giảm còn 53,45%, ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện còn 99,51%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo, sản xuất truyền tải và phân phối điện, ngành cung cấp nước, tăng tương ứng 3,17%, 1,24% và 5,93%. Cộng dồn so cùng kỳ, chỉ số sử dụng lao động của toàn ngành công nghiệp tăng 1,91%.

**Sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh:** Hầu hết số lượng các sản phẩm sản xuất chủ yếu của tỉnh đều có chỉ số sản xuất 04 tháng đầu năm tăng khá so cùng kỳ, cụ thể: Bột mì tăng (+1,71%); giày dép loại tăng (+6,08%); vỏ, ruột xe các loại tăng (+21,73%); điện thương phẩm tăng (+13,17%); xi măng tăng (+12,72%); nước máy sản xuất tăng (+2,81%) . Cũng có một số sản phẩm sản xuất duy trì bằng hoặc giảm ít so cùng kỳ Clanke poolan giảm (21,94%), đường các loại giảm (6,89%)....

### 3. Vốn đầu tư phát triển:

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 4/2018 ước thực hiện 187,4 tỷ đồng, tăng (+14,81%) so tháng trước. Bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 153,5 tỷ đồng (+14,88%), ngân sách cấp huyện đạt 33,94 tỷ đồng (+14,48%). Cụ thể một số công trình có khối lượng lớn như: công trình đường ĐT794 đoạn ngã ba Kà tum đến cầu Sài gòn, đang lán nhựa 10,8km/17,3km, đã chi trả bồi thường và bàn giao mặt bằng cho đơn vị tiếp tục thi công; Tiêu dự án đường Tà Nông, đang hoàn thiện mặt đường đá 4x6 và đắp nền sỏi đỏ chuẩn bị lán nhựa; nâng cấp, cải tạo ngầm hoá đường 30-4, đã hoàn thei65n bê tông nhựa đường từ ngã trường Chính trị tỉnh đến Mũi tàu....

Cộng dồn 4 tháng, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện 614 tỷ đồng, đạt 22,07% kế hoạch năm, tăng 15,09% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 502,83 tỷ đồng bằng 21,15% kế hoạch và tăng (+46,67%) ; vốn ngân sách cấp huyện đạt

111,41 tỷ đồng bằng 27,45 dự toán năm và giảm (-41,63%) so cùng kỳ. Riêng nguồn vốn thuộc ngân sách xã, đến thời điểm này chưa phân khai vốn nên chưa có giá trị thực hiện.

#### **4. Giao thông vận tải:**

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 04/2018 ước đạt 227,80 tỷ đồng (chủ yếu là kinh tế ngoài nhà nước), giảm 3,27% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 68,446 tỷ đồng, giảm 14,05%; vận tải hàng hóa đạt 155,31 tỷ đồng, tăng 2,26% so với tháng trước, nguyên nhân do doanh thu cáp treo tháng này giảm mạnh ngược lại doanh thu vận tải hàng hóa tăng do thu hoạch nông sản cùng với việc giá xăng dầu các loại tăng làm chi cước vận tải tăng so với tháng trước. Cộng dồn 04 tháng đầu năm doanh thu đạt 908 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 7,68%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 286,7 tỷ đồng tăng 7,42%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 605,9 tỷ đồng tăng 7,78% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 15,38 tỷ đồng tăng 7,7% so với 04 tháng năm 2017.

Khối lượng vận tải hành khách tháng 04/2018 ước tính đạt 1.486 nghìn lượt khách, giảm 24,72% và luân chuyển 104.229 nghìn lượt khách.km, tăng 2,06% so tháng trước; chủ yếu do tháng này số lượng khách sử dụng cáp treo Núi Bà giảm, nhưng cự ly vận chuyển ngắn nên không ảnh hưởng nhiều đến khối lượng luân chuyển hành khách. Bốn tháng đầu năm, vận tải hành khách đạt 8.231 nghìn lượt khách, tăng 6,39% và luân chuyển được 375.614 nghìn lượt khách.km, cũng tăng 7,32% so cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa tháng 04/2018 ước tính đạt khối lượng 1.228 nghìn tấn, tăng 3,02% và luân chuyển được 90.367 nghìn tấn.km, cũng tăng 2,28% so tháng trước. Cộng dồn bốn tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa ước đạt khối lượng 4.719 nghìn tấn, tăng 7,27% và luân chuyển được 366.021 nghìn tấn.km, tăng 7,13% so cùng kỳ.

#### **5. Thương mại:**

##### *a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:*

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 04/2018 ước đạt 4.368 tỷ đồng, tăng 3,4% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 170,447 tỷ đồng, tăng 6,11%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.187,5 tỷ đồng, cũng tăng 3,28% so tháng trước.

Luỹ kế 04 tháng đầu năm tổng mức ước đạt 17.749 tỷ, tăng 10,45% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước tăng 35,83%; kinh tế ngoài nhà nước tăng 9,58%; Một số nhóm hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu như nhóm lương thực, thực phẩm đạt 6.547 tỷ đồng, tăng 11,49%; nhóm xăng, dầu các loại đạt 2.461 tỷ đồng, tăng 15,9%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 2.434 tỷ đồng, cũng tăng 8,74% so với cùng kỳ.

##### *b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:*

Doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh tháng 04/2018 ước đạt 1.196 tỷ đồng, giảm 6,94% so tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 257,3 tỷ đồng giảm 29,07% (chủ yếu do phát hành vé

xổ số tháng này ít hơn 01 kỳ so với tháng trước, khu vực ngoài nhà nước đạt 932,4 tỷ đồng xấp xỉ bằng tháng trước (=101,76%), và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6,7 tỷ đồng tăng 0,59% so tháng trước.

Luỹ kế 04 tháng đầu năm doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 5.035 tỷ đồng tăng 11,91%, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 2.877 tỷ đồng tăng 13,29%, dịch vụ lưu trú đạt 59,4 tỷ đồng tăng 11,43% và dịch vụ khác đạt 2.098 tỷ đồng tăng 10,07% so cùng kỳ.

## **6. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ:**

Tháng này giá xăng dầu các loại được điều chỉnh tăng mạnh, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất và kinh doanh. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2018 tăng 0,2% so với tháng trước, tăng 3,37% so với cùng tháng năm trước và tăng 0,91% so với tháng 12 năm trước, tăng 3,95% so với bình quân cùng kỳ. Giá bán các mặt hàng, nhóm hàng trong tháng biến động, cụ thể như sau:

Chỉ số nhóm lương thực tháng này tăng 0,13% so tháng trước, cụ thể: gạo tẻ thường tăng 0,14%, gạo tẻ ngon tăng 0,24%, gạo nếp tăng 0,04% do nguồn cung bắt đầu hạn hẹp bởi vụ lúa đông xuân đang đi vào cuối vụ trong khi nhu cầu xuất khẩu gạo đang tăng do ta trúng được những hợp đồng lớn.; Bột mì tăng 0,1%, khoai tăng 0,21%;

Chỉ số nhóm thực phẩm tháng này tăng 0,03% chủ yếu là: Thịt heo tăng 0,02% sau nhiều tháng xuống thấp do tổng đàn heo đã giảm sau khi nhiều người bị thua lỗ nên chuyển sang ngành nghề khác, Thịt bò tăng 0,01%,; Thủy sản tươi sống tăng 0,03% so tháng trước, cụ thể cá tươi tăng 0,03%, tôm tươi tăng 0,04%, thủy hải sản tươi sống khác tăng 0,01%, thủy sản chế biến tăng 0,01% do nhiều doanh nghiệp tăng cường hoạt động thu mua cá tươi nguyên liệu phục vụ các đơn hàng xuất khẩu trong những tháng đầu năm 2018 nên đẩy giá tăng lên; Trứng các loại tăng 0,03% do thời tiết nắng nóng, trứng thu được từ các trang trại giảm cộng với cầu vượt cung làm giá trứng tăng lên;

Nhóm rau tươi các loại tăng 0,08% so với tháng trước như: bắp cải tăng 0,39%, đỗ quả tươi tăng 0,15%, rau dạn củ quả tăng 0,19%, rau tươi khác tăng 0,16% do thời tiết nắng nóng khô hạn khiến rau xanh bị hư hỏng héo úa; bên cạnh đó cà chua giảm 0,73%, khoai tây giảm 0,26% do lượng cung vượt cầu;

Nhóm quả tươi, chế biến tăng 0,09% cụ thể quả có múi tăng 0,03% trong đó cam sành tăng 0,07%, chuối tăng 0,95%, quả tươi khác tăng 0,04% do đang vào cao điểm nắng nóng nên những loại trái cây làm mát được người dân tiêu thụ nhiều; Xoài giảm 0,69% do đang bước vào mùa thu hoạch xoài năng suất khá cao nên lượng cung ra thị trường dồi dào làm giá thành giảm;

Chỉ số giá các mặt hàng, nhóm hàng phi lương thực, thực phẩm biến động cụ thể như sau:

Nhóm giao thông tăng 1,34% so với tháng trước trong đó giá xăng dầu diezen tăng 2,72% do trong tháng giá xăng dầu, diesel tăng mạnh. Nhóm nhà ở

điện nước chất đốt và VLXD tăng 0,06% chủ yếu do mặt hàng thép tăng 1,69%, cát tăng 0,39%, đá tăng 0,23% do đang bước vào mùa xây dựng, riêng Giá gas giữ bình ổn so với tháng trước.

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,15% so với tháng trước trong đó giá tour du lịch trong nước tăng 1,88%, nước ngoài tăng 1,07% do nhu cầu vui chơi giải trí của người dân tăng lên trong kỳ nghỉ lễ 30/4 và 1/5 sắp tới;

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,01% trong đó máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,85% do nhu cầu tăng cao của người dân trong thời tiết nắng nóng gay gắt;

**\*Giá vàng và Đô la Mỹ:** Do ảnh hưởng của giá vàng, giá Đô la Mỹ trên thị trường thế giới, giá vàng bình quân tháng 4/2018 là 3.605.000 đồng/chỉ (+0,33%); giá Đô la Mỹ tháng này là 22.860,47đ/USD (+ 0,16%) so với tháng 3/2018.

## 7. Thu chi ngân sách:

### a) Thu ngân sách:

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 4/2018 đạt 540,7 tỷ đồng, lũy kế 4 tháng được 2.597 tỷ đồng, đạt 37,6% dự toán năm, bằng 97,57% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 2.458 tỷ đồng, đạt 38,98% dự toán, tăng 2,85% so cùng kỳ năm trước. Một số nguồn thu nội địa trong bốn tháng đầu năm nay có mức tăng khá so cùng kỳ; trong đó khoản thu đạt cao nhất là thu từ khu vực ngoài quốc doanh với 457 tỷ đồng, bằng 37,07% dự toán, tăng 26,75% so cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp nhà nước 178 tỷ giảm (-12,59%); Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài 153,8 tỷ giảm (-2,77%); thu tiền sử dụng đất tăng (+38,28%); thu tiền lệ phí chức bạ (+46,47%); thuế thu nhập cá nhân tăng (+23,25%); ... Thu thuế XNK đạt 138,6 tỷ đồng, giảm (-48,62%); thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 834,9 tỷ bằng 57,58 dự toán năm và cũng thấp hơn (-7,95%) so cùng kỳ.

### Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2018		% thực hiện 04 tháng năm 2018 so với	
	Dự toán	Ước TH 04 tháng	Dự Toán	Cùng kỳ năm 2017
<b>Tổng thu</b>	<b>6.907</b>	<b>2.596</b>	<b>37,60</b>	<b>97,57</b>
I. Thu nội địa	6.307	2.458	38,98	102,85
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	660	178,2	27,01	87,41
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	490	153,8	31,39	97,23
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.233	457	37,07	126,75
4. Hoạt động xổ số	1.450	835	57,58	92,05
II. Thu từ hoạt động XNK	600	138,6	23,10	51,38

### **b) Chi ngân sách:**

Tiến độ chi ngân sách hợp lý, ước tháng 4/2018 đạt 688 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đạt 2.256 tỷ đồng bằng 26,71% dự toán năm, tăng 44,89% so cùng kỳ năm trước, chủ yếu là chi thường xuyên với 1.309 tỷ đồng bằng 27,32% dự toán năm, và tăng 5,55% so cùng kỳ, trong đó các khoản chi tăng cao như: chi sự nghiệp kinh tế 138,5 tỷ tăng 11,76%, chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 558 tỷ tăng 11,08%, chi quản lý hành chính 268 tỷ đạt 30,41 dự toán và tăng 3,14%; Riêng chi đầu tư phát triển 740 tỷ đồng bằng 34,02% dự toán cả năm và tăng 135,93% so với 04 tháng năm 2017.

### **Chi ngân sách nhà nước địa phương**

	Năm 2018 (tỷ đồng)		% thực hiện 04 tháng năm 2018 so với	
	Dự toán	Ước TH 04 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
<b>Tổng chi</b>	<b>8.445,5</b>	<b>2.256</b>	<b>26,71</b>	<b>144,89</b>
I. Chi cân đối NSDP	7.190	2.051	28,53	131,84
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	2.177	740	34,02	235,93
2. Chi thường xuyên	4.973,5	1.309	27,32	105,55
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	649,9	138,5	21,31	111,76
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.006	558,4	27,83	111,08
+ Sự nghiệp y tế	399	82,5	20,66	83,73
+ Quản lý hành chính	882	268,4	30,41	103,14
II. Chi chương trình MTQG	1.255	204,7	16,31	

### **8. Hoạt động ngân hàng:**

Những tháng đầu năm 2018 hoạt động của hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định và phát triển. Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 04/2018 ước đạt 38.166 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 1,0%. Trong đó vốn huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng) là chủ yếu đạt 25.370 tỷ đồng (Chiếm hơn 66% tổng số) tăng 1,36% so tháng trước; Vốn huy động trung và dài hạn đạt 13.796 tỷ đồng tăng 0,29% so tháng trước; Nguồn vốn huy động chủ yếu từ tiền gửi trong dân cư đạt 30.125 tỷ đồng chiếm 78,92% trong tổng số tăng 0,82% so với tháng trước; tiền gửi của các tổ chức kinh tế ước đạt 7.610 tỷ đồng, tăng 1,86% so tháng trước.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 4 ước đạt 44.897 tỷ đồng, tăng 1,5% so tháng trước. Trong đó dư nợ ngắn hạn 28.949 tỷ chiếm 64,47% tổng số. Nợ xấu 229 tỷ đồng chiếm 0,51% so với tổng dư nợ giảm (-8,9%) so với tháng trước.

### **8. Tình hình văn xã:**



### **a) Lao động, dạy nghề, giải quyết việc làm và trợ cấp xã hội:**

Các hoạt động hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động, trong tháng 4/2018 tư vấn việc làm và học nghề cho 1.711 lượt lao động (lũy kế 7.190 lượt lao động); giới thiệu cung ứng lao động trong nước 324 lao động (lũy kế 488 lao động).

Cũng trong tháng này có 22 doanh nghiệp đăng ký và được UBND tỉnh chấp thuận cho tuyển dụng 214 lao động người nước ngoài. Lũy kế 4 tháng có 111 doanh nghiệp đăng ký và được UBND tỉnh chấp thuận cho tuyển dụng 2.250 lao động người nước ngoài.

Công tác dạy nghề: trong tháng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tuyển sinh được 558 người (trung cấp: 06 người, sơ cấp: 528 người, đào tạo dưới 03 tháng 30 người); Số sinh viên, học viên tốt nghiệp trong tháng 739 người (trung cấp: 336 người, sơ cấp: 403 người). Số học viên sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm trong tháng 540/739 đạt tỷ lệ 73,07%.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp, chính sách giảm nghèo với các chương trình, dự án như cho vay vốn sản xuất, hỗ trợ cây, con giống, hỗ trợ tiền điện . . . được các huyện, thành phố tích cực thực hiện. Về chăm sóc y tế: cấp 31.164 thẻ BHYT. Trong đó, 10.426 thẻ cho người thuộc hộ nghèo, 3.674 thẻ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo mới thoát nghèo.

### **b) Hoạt động y tế:**

Trong tháng trên địa bàn tỉnh ghi nhận 54 ca mắc mới bệnh tay chân miệng, tăng 92,86% so với tháng trước, cũng giảm 27,03% so với cùng kỳ (74ca); Huyện có số ca mắc mới trong tháng cao là : Châu Thành 08 ca; Dương Minh Châu: 08 ca; Thành phố 06 ca; Trảng Bàng 06 ca; Gò Dầu 06 ca; Bến Cầu 06 ca; Hòa Thành 05 ca; Tân Biên 05 ca; Tân Châu 04 ca. Tổng số ca cộng dồn đến nay: 125 ca giảm 28,16% so cùng kỳ năm 2017 ( 174 ca). Trong tháng không có ca tử vong.

Số ca mắc mới bệnh sốt xuất huyết trong tháng là 70ca tăng 12,09% ca so với tháng trước, và cũng tăng 18,64% so với cùng kỳ năm 2017 (59ca) . Tổng số mắc SXH cộng dồn đến nay 232ca, tăng 34,88%, so với cùng kỳ năm 2017, không có tử vong . Nhìn chung trong tháng một số bệnh phát sinh tăng , cũng có bệnh phát sinh giảm so với cùng kỳ, nhưng chưa có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Trong tháng Ngành Y tế chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đã kiểm tra: 322 cơ sở, trong đó đạt 254 cơ sở, đạt tỷ lệ 78,88%. Số cơ sở vi phạm 68 cơ sở (trong đó: nhắc nhở: 58 cơ sở, xử phạt: 10 cơ sở số tiền là 24.150.000 đ). Các nội dung vi phạm chủ yếu: kinh doanh thực phẩm hết hạn sử dụng, không có đầy đủ hồ sơ sản phẩm; sử dụng nguyên liệu không đảm bảo an toàn thực phẩm, không rõ nguồn gốc xuất xứ; điều kiện vệ sinh cơ sở không đảm bảo; không có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; không thực hiện công bố cho sản phẩm.

### **c) An toàn giao thông:**

Theo báo cáo của các ngành chức năng, trong tháng 04/2018 (Từ ngày 16/03/2018-15/04/2018), trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 17 vụ tai nạn giao thông (tăng 02 vụ so với tháng cùng kỳ) làm chết 8 người và bị thương 14 người. Lũy

kế 04 tháng đầu năm xảy ra 99 vụ, làm chết 45 người và bị thương 78 người. So cùng kỳ năm trước tăng 45 vụ, số người chết tăng 30 và cũng tăng 22 người bị thương. Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe không đúng phần đường, chuyển hướng tránh vượt thiếu quan sát và sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông.

**d) Hoạt động văn hoá:**

Trong tháng 4/2018, Ngành đã tổ chức các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, trưng bày triển lãm, văn nghệ, sách báo, phim ảnh và biểu diễn nghệ thuật phục vụ Nhân dân. Thông qua đó tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn như: lễ phát động “Ngày của người tiêu dùng” năm 2018, tuyên truyền ngày quốc tế Hạnh phúc 20/3, tuyên truyền Ngày Thể thao Việt Nam 27/3; Hội nghị Thượng đỉnh GM62 và Hội nghị cấp cao Tam giác phát triển CLV10 tại Hà Nội... Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền xây dựng Nông thôn mới, an toàn giao thông, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”...

Trong tháng thực hiện 06 tấm pano (có 04 cụm pano chiến lược), 25 tấm băng rôn, 150 tấm phướn, in và cung cấp đĩa CD, tờ in ảnh thời sự cho hệ thống Trung tâm văn hóa-thể thao và học tập cộng đồng thực hiện công tác tuyên truyền.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ: tập dợt chương trình nghệ thuật quần chúng tham gia Liên hoan Tiếng hát miền Đông tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; phục vụ văn nghệ kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930-3/2/2018) tại Trại Giam Cây Cày (03 buổi). Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động các câu lạc bộ: CLB Âm nhạc truyền thống, Thơ ca người cao tuổi, Hoa hướng dương, Sân khấu cải lương..., Phát triển các lớp năng khiếu: khiếu vũ, Đờn ca tài tử- Cải lương, võ thuật, thể dục thẩm mỹ... phục vụ nhu cầu học tập và sinh hoạt văn hóa- văn nghệ của quần chúng nhân dân.

Hệ thống Thư viện: Trưng bày tài liệu tuyên truyền, giới thiệu và phổ biến pháp luật thường xuyên: 254 tài liệu. Trưng bày giới thiệu sách, báo, tài liệu tuyên truyền phục vụ trong tháng 04 cuộc với 210 tài liệu. Thực hiện luân chuyển 23 tủ sách cơ sở; phục vụ lưu động: 05 cuộc. Tổng số sách hiện có 239.103 bản/67.738 tên sách. Nhập sách mới bổ sung trong tháng: 955 bản/374 tên sách. Phục vụ bạn đọc với tổng số lượt bạn đọc 5.111 lượt. Tổng số lượt tài liệu phục vụ 23.578 lượt tài liệu. Cập mới 194 thẻ bạn đọc.

Công tác quản lý, thanh, kiểm tra chấn chỉnh các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch trên phạm vi toàn tỉnh được tăng cường. Trong tháng, Đội kiểm tra liên ngành văn hóa-xã hội các cấp tổ chức kiểm tra 08 cuộc và 28 lượt kiểm tra chuyên ngành, phát hiện 03 đơn vị vi phạm ban hành 03 Quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền 17 tr.đồng.

**e) Thiệt hại do thiên tai:**

Từ ngày 16/04/2018 đến 15/4/2018, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh không xảy ra đợt thiên tai nào.

**f) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:**

Trong tháng 04/2018 (từ ngày 16/03/2018 đến 15/04/2018), xảy ra 02 vụ cháy, ở Cty TNHH Dệt may Hưng Thái KCN Trảng Bàng (cháy lò hơi), thiệt hại ước tính 915 triệu đồng; Cháy xe ô tô khách của Ông Phạm Minh Thiện, Gò Dầu giá trị thiệt hại ước khoảng 180 triệu đồng, cả 02 vụ đều không có thiệt hại về người và nguyên nhân đang được ngành chức năng làm rõ.

